

Bản án số: 152/2017/DS – PT

Ngày: 29/6/2017

V/v “*Tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:** Ông Phạm Văn Chánh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2017/TLPT- DS ngày 11 tháng 4 năm 2017 về việc “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 36/2017/DS – ST ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 95/2017/QĐ – PT ngày 24 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Lý Thiên T1, sinh năm 1962;

Địa chỉ cư trú: Số D166, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

1.2. Lý Thiên T2, sinh năm 1955;

1.3. Lý Thanh M1, sinh năm 1948; (có đơn xin vắng mặt, khước từ di sản thừa kế).

1.4. Lý T3, sinh năm 1951;

1.5. Lý Thanh L1, sinh năm 1954;

Cùng địa chỉ cư trú: ấp 10, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

2.1. Lý An Đ, sinh năm 1966;

Địa chỉ cư trú: Số 35/1, ấp 10, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của ông Đ: Bà Phan Thị Mỹ L2 (Văn bản ủy quyền ngày 05/8/2016)

2.2. Lý Thanh H1, sinh năm 1962;

Địa chỉ cư trú: Số 35/1, ấp 10, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Lê Thị C1, sinh năm 1956;

3.2. Lý Quốc T4, sinh năm 1979;

3.3. Lý Khả T5, sinh năm 1981;

3.4. Lý Khả A, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 35/1, ấp 10, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của các ông bà C1, T4, T5, A: Ông Lý T3 (Văn bản ủy quyền ngày 20/5/2011).

3.5. Phạm Minh P, sinh năm 1986;

3.6. Phạm Phú H2, sinh năm 1989;

3.7. Phạm Minh C2, sinh năm 1991;

3.8. Phạm Văn M2, sinh năm 1947;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 35/1, ấp 10, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của các ông bà Minh P, Phú H2, Minh C2: Bà Lý Thanh L1 (Văn bản ủy quyền ngày 20/5/2011).

Ông Phạm Văn M2 có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.9. Vũ Thị Bích H3, sinh năm 1964;

3.10. Lý Kim L3, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ cư trú: Số D166, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp của các ông bà H3, L3: Ông Lý Thiên T1 (Văn bản ủy quyền ngày 12/3/2011).

3.11. Phạm Thị H4, sinh năm 1961;

- 3.12. Lý Hồng N, sinh năm 1979;
3.13. Lý Quốc T6, sinh năm 1980;
3.14. Lý Quốc H5, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ cư trú: ấp 10, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông bà H4, N, T6, H5: Ông Lý Thiên T2 (Văn bản ủy quyền 20/5/2011).

- 3.15. Phan Thị Mỹ L2, sinh năm 1972; (vợ ông Đ)

Địa chỉ cư trú: Số 35/1, ấp 10, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Lý An Đ.

Các đương sự có mặt tại tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, trong quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn Lý T3, Lý Thiên T2, Lý Thanh L1, Lý Thiên T1, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng trình bày:

Lúc sinh thời cha mẹ của ông, bà là ông Lý C3 và bà Trần Nguyệt K có tất cả 7 người con gồm Lý Thanh M1, Lý T3, Lý Thanh L1, Lý Thiên T2, Lý Thiên T1, Lý Thanh H1 và Lý An Đ. Cha, mẹ tạo lập được 318,3 m² đất tọa lạc tại ấp 10, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre và một ngôi nhà tạm bợ cất trên phần đất nói trên. Ngày 23/3/1996 ông Lý C3 chết, đến ngày 14/9/2006 bà K chết, cha và mẹ chết đều không để lại di chúc phân chia diện tích đất và nhà nói trên cho ai. Bà Lý Thanh H1 sống chung và cùng hộ khẩu với cha mẹ là ông Lý C3, bà K nên tiếp tục quản lý đất, nhà để thờ cúng cha mẹ. Vào ngày 30/9/2004 bà Lý Thanh H1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 318,3 m² thuộc thửa 55, bản đồ số 32. Đến ngày 28/5/2008 bà Lý Thanh H1 đã tự ý lập giấy tay tặng cho Lý An Đ phần đất có diện tích 159,65 m² thuộc một phần thửa 55, tờ bản đồ 32, ngày 20/6/2008 ông Lý An Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 158,2 m² với số thửa 237 tờ bản đồ 32 (tách từ một phần thửa 55), ông Đ cất nhà ở trên thửa đất này và lấn qua một phần đất thuộc thửa đất 55 (55A) có diện tích 11,9 m². Phần đất còn lại từ một phần thửa 55 thì bà Lý Thanh H1 để lại cho bà Lý Thanh L1 và bà L1 cũng cất nhà ở.

Các nguyên đơn yêu cầu phân chia diện tích 318,2 m² (diện tích theo kết quả đo đạc thực tế ngày 16/9/2011) thành 6 phần bằng nhau, cụ thể:

Ông Lý T3, Lý Thiên T2, Lý Thiên T1, mỗi người diện tích 53,03 m² đất tính giá trị bằng tiền theo Hội đồng định giá huyện T đã định ngày 12/8/2016 là

212.120.000 đồng ($53,03 \text{ m}^2 \times 4.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 212.120.000 \text{ đồng}$) và đồng ý bồi hoàn công sức tôn tạo nền nhà theo yêu cầu của bà L1 mỗi người bồi hoàn với số tiền là 12.000.000 đồng.

Bà Lý Thanh L1 có san lấp cát để cất nhà kiên cố trên thửa đất 55, diện tích $148,1 \text{ m}^2$, bà L1 yêu cầu được tiếp tục ở và có nghĩa vụ hoàn trả giá trị bằng tiền tương ứng với diện tích đất phải giao cho các đồng thừa kế và có yêu cầu ai nhận giá trị đất thì có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị san lấp với số tiền là 60.000.000 đồng.

Đối với bà Lý Thanh M1 có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện xin chia thừa kế và có đơn yêu cầu khước từ quyền hưởng di sản của cha mẹ là ông C3, bà K.

Ông Lý T3, Lý Thiên T2, Lý Thanh L1, Lý Thiên T1 đồng ý với kết quả đo đạc ngày 16/9/2011, kết quả định giá ngày 12/8/2016 và phần chi phí tôn tạo nền nhà do bà L1 yêu cầu để làm cơ sở giải quyết vụ án. Các nguyên đơn không yêu cầu đo đạc, định giá lại.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Lý Thanh L1 tự nguyện nộp tiền đo đạc địa chính là 1.473.560 đồng, ông Lý Thiên T1 tự nguyện nộp lệ phí định giá tài sản là 300.000 đồng, ông Lý Thiên T2 tự nguyện nộp 300.000 đồng, không yêu cầu Tòa xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lý Thanh H1 trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của các đồng nguyên đơn và bà cũng đồng ý chia diện tích $318,2 \text{ m}^2$, thửa 55 tờ bản đồ 32 thành 6 phần, bà yêu cầu được hưởng một phần T2 giá trị bằng tiền là 212.120.000 đồng ($53,03 \text{ m}^2 \times 4.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 212.120.000 \text{ đồng}$) và đồng ý bồi hoàn công sức tôn tạo nền nhà theo yêu cầu của bà L1 với số tiền là 12.000.000 đồng.

Bà Lý Thanh H1 đồng ý với kết quả đo đạc ngày 16/9/2011, kết quả định giá ngày 12/8/2016 và phần chi phí tôn tạo nền nhà do bà L1 yêu cầu để làm cơ sở giải quyết vụ án. Bà không yêu cầu đo đạc, định giá lại.

Bà Lý Thanh H1 tự nguyện nộp 55.000 đồng chi phí thu thập quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không yêu cầu Tòa xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lý An Đ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phan Thị Mỹ L2 cùng trình bày:

Ông bà thống nhất với lời trình bày của các nguyên đơn về nguồn gốc đất, hàng thừa kế tuy nhiên ông Lý An Đ và bà Phan Thị Mỹ L2 không đồng ý diện tích đất $158,2 \text{ m}^2$ thửa 237 và diện tích $11,9 \text{ m}^2$ một phần thửa 55 (55A) cùng tờ bản đồ số 32 (qua đo đạc thực tế ngày 16/9/2011 có tổng cộng diện tích $170,1 \text{ m}^2$) là phần di sản thừa kế, bởi phần đất nói trên đã được 06 anh chị em đồng ý ký tên tặng cho ông bà vào ngày 28/5/2008. Ông, bà thừa nhận ông Lý Thiên T1 không có ký tên vào giấy tặng cho nhưng bà Lý Thanh M1 thừa nhận đã ký thay cho ông T1, đồng thời khi đến Ủy ban nhân dân thị trấn T làm giấy tách quyền sử dụng đất

thì được Ủy ban nhân dân thị trấn T cho rằng phần đất thuộc thửa 55 tờ bản đồ số 32 là quyền sử dụng của bà Lý Thanh H1 nên bà H1 và anh Đ ký tên tặng cho là hợp lệ, không cần phải có ý kiến đồng ý của các anh em của ông Lý An Đ và từ đó ông Lý An Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/6/2008, hiện nay đã cất nhà ở và thờ cúng cha mẹ là ông C3, bà K.

Nay ông bà không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu các đồng nguyên đơn và cũng không yêu cầu các đồng nguyên đơn phải bồi hoàn công sức san lấp, tôn tạo nền nhà cho bà và ông Lý An Đ.

Các đương sự thống nhất giá trị phần đất tranh chấp có giá: 4.000.000 đồng/m².

Giá trị tài sản tranh chấp: $318,2 \text{ m}^2 \times 4.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 1.272.800.000$ đồng (Một tỷ, hai trăm bảy mươi hai triệu, tám trăm nghìn đồng).

Bà Lý Thanh L1 đã tạm nộp tiền đo đạc địa chính là 1.473.560 đồng (do Phạm Phú H2 con bà L1 nộp thay); Lệ phí định giá tài sản là 300.000 đồng do Lý Thiên T1 tạm nộp; 300.000 đồng do Lý Thiên T2 tạm nộp; Bà Lý Thanh H1 tạm nộp 55.000 đồng chi phí thu thập quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú đưa vụ án ra xét xử, tại Bản án số 36/2017/DS – ST ngày 17 tháng 02 năm 2017 có quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Lý T3, Lý Thiên T2, Lý Thiên T1, Lý Thanh L1 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với các bị đơn Lý Thanh H1, Lý An Đ.

Bà Lý Thanh L1 và ông Phạm Văn M2 được tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất 148,1 m² thuộc thửa 55 tờ bản đồ số 32 tọa lạc ấp 10, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Bà Lý Thanh L1 và ông Phạm Văn M2 phải có nghĩa vụ giao số tiền được hưởng thừa kế cho Lý T3 là 95.060.000 đồng, ông Lý Thiên T2 là 95.060.000 đồng, ông Lý Thiên T1 là 95.060.000 đồng, bà Lý Thanh H1 là 95.060.000 đồng.

Ông Lý An Đ và bà Phan Thị Mỹ L2 được tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất 170,1 m² thuộc một phần thửa 55 (55A), thửa 237 cùng tờ bản đồ số 32 tọa lạc ấp 10, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Ông Lý An Đ và bà Phan Thị Mỹ L2 phải có nghĩa vụ giao phần được hưởng thừa kế cho Lý T3 là 117.060.000 đồng, ông Lý Thiên T2 117.060.000 đồng, ông Lý Thiên T1 là 117.060.000 đồng, bà Lý Thanh H1 là 117.060.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu của bà Lý Thanh L1 về việc yêu cầu công sang lấp tôn tạo nền nhà đối với ông Lý T3, Lý Thiên T2, Lý Thiên T1, Lý Thanh H1. Ông Lý T3,

Lý Thiên T2, Lý Thiên T1, Lý Thanh H1 có nghĩa vụ bồi hoàn công sang lấp tôn tạo nền nhà cho bà Lý Thanh L1 mỗi người là 12.000.000 đồng.

Bà Lý Thanh H1 phải có nghĩa vụ chuyển quyền sử dụng đất cho bà Lý Thanh L1 có diện tích 148,1 m² thuộc một phần thửa số 55; chuyển quyền sử dụng đất cho ông Lý An Đ có diện tích 11,9 m² thuộc một phần thửa số 55 (55A) cùng tờ bản đồ số 32 tọa lạc ấp 10, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất cho đúng diện tích, vị trí thửa đất theo qui định pháp luật.

Về độ dài tứ cận và vị trí thửa đất có trích đo địa chính khu đất kèm theo.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, các chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/02/2017 ông Lý An Đ có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn vì khi ông Đ cất nhà các đồng nguyên đơn đều thừa nhận bằng miệng và không có ý kiến gì. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L2 là người đại diện cho ông Đ trình bày thêm là ngoài phần đất đang tranh chấp thì cha mẹ chồng bà là ông C3 và bà K còn một phần đất khác hiện do bà Lý Thanh M1 đang quản lý sử dụng, nếu có chia thừa kế thì yêu cầu chia cả 02 phần đất.

Các nguyên đơn cùng thống nhất trình bày: Cha mẹ các ông bà có 02 phần đất, một phần đất do bà Lý Thanh M1 đang quản lý và phần đất đang tranh chấp. Phần bà M1 quản lý là do ông bà nội để lại cho mẹ là bà K, phần đất này bà M1 được mẹ cho trước năm 1975, bà M1 canh tác sử dụng, có cất một phần bán cho người khác, nên các nguyên đơn đồng ý để lại cho bà M1 phần này, hơn nữa bà M1 đã từ chối phần di sản đang tranh chấp. Còn phần đất thứ 2 thì do ông Lý An Đ và bà Lý Thanh H1 đang quản lý, các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế như án sơ thẩm đã tuyên, yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm.

Bị đơn bà Lý Thanh H1: thống nhất lời trình bày của các nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Quy trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lý Thanh H1 không đúng quy trình do không có ý kiến của những người cùng hàng thừa kế. Nên thửa đất tại thửa 55 tờ bản đồ số 32 là di sản thừa kế của ông C3 và bà K. Tòa sơ thẩm chia di sản thừa kế theo yêu cầu của các nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật, đề nghị bác kháng cáo của ông Đ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung, đề nghị hủy bản án sơ thẩm do tòa sơ thẩm

chưa thẩm định đầy đủ các phần di sản của ông C3 và bà K, tại phiên tòa phúc thẩm xuất hiện tình tiết mới nên cần hủy án để xem xét chia thừa kế lại.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Cụ Lý C3 và cụ Trần Nguyệt K có 07 người con gồm Lý Thanh M1, Lý T3, Lý Thanh L1, Lý Thiên T2, Lý Thiên T1, Lý Thanh H1 và Lý An Đ. Cụ C3 chết ngày 23/3/1996, cụ K chết ngày 14/9/2006, di sản mà các bên tranh chấp là phần đất có diện tích 318,3 m², hiện nay ông Lý An Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 158,2 m² với số thửa 237 tờ bản đồ 32 (tách từ một phần thửa 55) vào ngày 20/6/2008 và ông Đ cất nhà ở trên thửa đất này. Phần đất còn lại từ một phần thửa 55 thì bà Lý Thanh H1 để lại cho bà Lý Thanh L1 và bà L1 cũng cất nhà ở.

[2] Về di sản thừa kế: theo trình bày của các nguyên đơn thì phần đất mà bà H1, ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc là của cụ C3 và cụ K. Hồ sơ vụ án thể hiện bà H1 đăng ký kê khai vào ngày 01/5/1999 với nguồn gốc đất là thừa kế, trong khi đó tại thời điểm kê khai thì cụ C3 đã chết (chết năm 1996) và cụ K còn sống, bà H1 cho rằng được mẹ cho, việc đăng ký thừa kế của bà H1 không được những người hàng thừa kế thứ nhất của bà K xác nhận và việc tặng cho cũng không có chứng cứ. Do đó việc bà H1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng trình tự. Vào ngày 28/5/2008 bà H1 lập thủ tục tặng cho phần đất có diện tích 159,65 m² cho ông Đ. Mặc dù hợp đồng lập đúng trình tự và ông Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng hợp đồng này vẫn bị vô hiệu từ việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H1. Do đó toàn bộ phần đất có diện tích 318,3 m² mà bà H1 và ông Đ đang đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là di sản thừa kế của cụ C3 và cụ K. Bản án sơ thẩm đã xem xét thẩm định tại chỗ để chia thừa kế là phù hợp pháp luật, theo đó ông Đ được tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 170,1 m² (do trong quá trình xây nhà có sự chênh lệch diện tích ban đầu) thuộc một phần thửa 55 (55A), thửa 237 cùng tờ bản đồ số 32 tọa lạc ấp 10, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre và hoàn giá trị theo phần cho các đồng thừa kế khác. Tương tự phần đất của bà H1 hiện tại bà L1 đang quản lý sử dụng, bà H1 có nghĩa vụ chuyển quyền sử dụng đất cho bà L1, bà L1 sử dụng và hoàn trả giá trị thừa kế cho các đồng thừa kế khác.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L2 (vợ ông Đ) cung cấp chứng cứ là đơn đăng ký quyền sử dụng đất của bà Lý Thanh M1. Bà L2 cho rằng phần đất này cũng là di sản của cha mẹ chưa chia, trong khi đó các nguyên đơn thì cho rằng mặc dù đất

là của cha mẹ được ông nội tặng cho nhưng bà M1 đã được cha mẹ cho từ trước đó, nên không yêu cầu chia thừa kế. Chứng cứ này các đương sự không cung cấp tại cấp sơ thẩm và không có lý do chính đáng cho việc không cung cấp, nên theo Điều 287 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, cấp phúc thẩm không xem xét chứng cứ này. Do đó, toàn bộ kháng cáo của ông Đ không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí phúc thẩm theo Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lý An Đ.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 36/2017/DS – ST ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

Áp dụng các Điều 636, 645, 676, 685, 733, 734 Bộ Luật dân sự. Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí của Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Lý T3, Lý Thiên T2, Lý Thiên T1, Lý Thanh L1 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với các bị đơn Lý Thanh H1, Lý An Đ.

Bà Lý Thanh L1 và ông Phạm Văn M2 được tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất 148,1 m² thuộc thửa 55 tờ bản đồ số 32 tọa lạc ấp 10, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Bà Lý Thanh L1 và ông Phạm Văn M2 phải có nghĩa vụ giao số tiền được hưởng thừa kế cho Lý T3 là 95.060.000 đồng (chín mươi lăm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng), ông Lý Thiên T2 là 95.060.000 đồng (chín mươi lăm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng), ông Lý Thiên T1 là 95.060.000 đồng (chín mươi lăm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng), bà Lý Thanh H1 là 95.060.000 đồng (chín mươi lăm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ông Lý An Đ và bà Phan Thị Mỹ L2 được tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất 170,1 m² thuộc một phần thửa 55 (55A), thửa 237 cùng tờ bản đồ số 32 tọa lạc ấp 10 (ấp Thanh Trị Hạ), thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Ông Lý An Đ và bà Phan Thị Mỹ L2 phải có nghĩa vụ giao phần được hưởng thừa kế cho Lý T3 là 117.060.000 đồng (một trăm mười bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng), ông Lý Thiên T2 117.060.000 đồng (một trăm mười bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng), ông Lý Thiên T1 là 117.060.000 đồng (một trăm mười bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng), bà Lý Thanh H1 là 117.060.000 đồng (một trăm mười bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Chấp nhận yêu cầu của bà Lý Thanh L1 về việc yêu cầu công sang lập tôn tạo nền nhà đối với ông Lý T3, Lý Thiên T2, Lý Thiên T1, Lý Thanh H1. Ông Lý T3, Lý Thiên T2, Lý Thiên T1, Lý Thanh H1 mỗi người có nghĩa vụ bồi hoàn công sang lập tôn tạo nền nhà cho bà Lý Thanh L1 là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Bà Lý Thanh H1 phải có nghĩa vụ chuyển quyền sử dụng đất cho bà Lý Thanh L1 có diện tích 148,1 m² thuộc một phần thửa số 55; chuyển quyền sử dụng đất cho ông Lý An Đ có diện tích 11,9 m² thuộc một phần thửa số 55 (55A) cùng tờ bản đồ số 32 tọa lạc ấp 10, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất cho đúng diện tích, vị trí thửa đất theo quy định pháp luật.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian thi hành án.

Về độ dài tứ cận và vị trí thửa đất có trích đo địa chính khu đất kèm theo.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lý T3 phải nộp: 11.206.000 đồng (Mười một triệu hai trăm lẻ sáu nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là: 3.028.000 đồng tại các biên lai thu số 001638, ngày 06/5/2011; 0004548, ngày 12/10/2016, ông Lý T3 còn phải nộp thêm án phí là: 8.178.000 đồng (tám triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

- Ông Lý Thiên T2 phải nộp: 11.206.000 đồng (mười một triệu hai trăm lẻ sáu nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là: 3.028.000 đồng tại các biên lai thu số 001639, ngày 06/5/2011; 0004549, ngày 12/10/2016, ông Lý Thiên T2 còn phải nộp thêm án phí là: 8.178.000 đồng (tám triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

- Ông Lý Thiên T1 phải nộp: 11.206.000 đồng (mười một triệu hai trăm lẻ sáu nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là: 3.028.000 đồng tại các biên lai thu số 001637, ngày 06/5/2011; 0004547, ngày 12/10/2016, ông Lý Thiên T1 còn phải nộp thêm án phí là: 8.178.000 đồng (tám triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

- Bà Lý Thanh L1 và ông Phạm Văn M2 phải L1 đới nộp: 11.206.000 đồng (mười một triệu hai trăm lẻ sáu nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là: 4.528.000 đồng tại các biên lai thu số 001640, ngày 06/5/2011; 0004566, ngày 17/10/2016, bà Lý Thanh L1 và ông Phạm Văn M2 còn phải nộp thêm án phí là: 6.678.000 đồng (sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

- Bà Lý Thanh H1 phải nộp: 11.206.000 đồng (mười một triệu hai trăm lẻ sáu nghìn đồng).

- Ông Lý An Đ và Phan Thị Mỹ L2 phải liên đới nộp: 10.606.000 đồng (mười triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lý An Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004881 ngày 28/02/2017 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Chi phí đo đạc, định giá tài sản và chi phí thu thập quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.128.560 đồng. Ông Lý Thiên T2, bà Lý Thanh L1, ông Lý Thiên T1, bà Lý Thanh H1 tự nguyện nộp và đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Dũng